

Bản án số: 25/2025/DS-ST  
Ngày 22 - 01 - 2025  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Dũng Liêm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Việt Khái

Ông Trần Văn Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 570/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 386/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Cẩm T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1970.

2. Ông Trần Văn K.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn trình bày:*

Năm 2023, bà có cho bà N và ông K vay nhiều lần với tổng số tiền là 57.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, thời điểm vay không có làm biên nhận và bà N hứa khi nào có sẽ trả lại cho bà, đến ngày 06/01/2024 bà N mới làm giấy nhận nợ có thiếu bà 57.000.000 đồng.

Tuy nhiên từ khi vay đến nay bà N không trả tiền nợ vay và lãi suất theo thỏa thuận, bà có liên hệ thương lượng việc trả nợ nhưng bà N vẫn không trả nợ

gốc và lãi cho bà.

Do bà N vay tiền để sinh hoạt trong gia đình và điều trị bệnh cho ông K, thời điểm vay ông bà là vợ chồng nên bà yêu cầu bà N và ông K cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 57.000.000 đồng, tiền lãi tính từ 06/01/2024 đến ngày xét xử 22/01/2025 là 12 tháng 16 ngày, mức lãi suất 1,66%/tháng tương đương số tiền 11.859.040 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 68.859.040 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Nguyệt, ông K đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 57.000.000 đồng: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với biên nhận ngày 06/01/2024 thể hiện bà N có vay của nguyên đơn số tiền 57.000.000 đồng. Theo nguyên đơn trình bày, quá trình vay bị đơn không thanh toán gốc và lãi cho nguyên đơn, do thời điểm vay bà N và ông K là vợ chồng, ông K có biết việc bà N vay tiền, có hứa hẹn với nguyên đơn về việc trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn cùng có nghĩa vụ trả số nợ trên.

Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu lãi suất chậm trả: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày vay 06/01/2024 đến ngày 22/01/2025 là 12 tháng 16 ngày, mức lãi suất 1,66%/tháng với số tiền 11.859.040 đồng.

Mức lãi suất và số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 68.859.040 đồng, trong đó tiền gốc là 57.000.000 đồng, tiền lãi là 11.859.040 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là: 3.442.952 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu, được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Cẩm T.

Buộc bà Trần Thị N và ông Trần Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Cẩm T số tiền 68.859.040 đồng (Sáu mươi tám triệu tám trăm năm mươi chín nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà T không phải chịu, hoàn trả lại cho bà T 1.662.000 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003531 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Bà N1 và ông K phải chịu 3.442.952 đồng (Ba triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm năm mươi hai đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Hồ Dũng Liêm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Việt Khái**

**Trần Văn Giang**

**Hồ Dũng Liêm**





